

PHỤ LỤC
PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2025 (TỪ NGUỒN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CHƯA PHÂN BỐ)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND huyện Bình Sơn)

ĐVT: Đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Kinh phí sửa chữa (Chi tiết có phụ biểu 01)	Kinh phí mua sắm (Chi tiết có phụ biểu 02)	Kinh phí thực hiện CCTL năm 2025	Ghi chú
	Tổng cộng	23.500.300.000	10.570.000.000	8.730.300.000	4.200.000.000	-
I	Cấp mầm non	6.063.950.000	4.090.000.000	1.973.950.000	-	-
1	Trường MN 24/3	142.480.000		142.480.000		
2	Trường MN Bình Trung	82.880.000		82.880.000		
3	Trường MN Bình Nguyên	732.500.000	650.000.000	82.500.000		
4	Trường MN Sao Mai	82.680.000		82.680.000		
5	Trường MN Bình Thạnh	735.730.000	620.000.000	115.730.000		
6	Trường MN Bình Đông	83.380.000		83.380.000		
7	Trường MN 18-3	83.420.000		83.420.000		
8	Trường MN Bình Trị	85.080.000		85.080.000		
9	Trường MN Bình Hải	738.580.000	650.000.000	88.580.000		
10	Trường MN Bình Hòa	604.880.000	520.000.000	84.880.000		
11	Trường MN Bình Tân Phú	339.190.000	250.000.000	89.190.000		
12	Trường MN Bình Châu	92.675.000		92.675.000		
13	Trường MN Bình Thanh	81.480.000		81.480.000		
14	Trường MN Bình Hiệp	81.680.000		81.680.000		
15	Trường MN Bình Long	506.915.000	420.000.000	86.915.000		
16	Trường MN Bình Chương	91.076.000		91.076.000		
17	Trường MN Bình Mỹ	80.436.000		80.436.000		
18	Trường MN Bình Minh	1.071.680.000	980.000.000	91.680.000		
19	Trường MN Bình An	85.700.000		85.700.000		
20	Trường MN Bình Khương	86.203.000		86.203.000		
21	Trường MN Bình Dương	86.580.000		86.580.000		
22	Trường MN Bình Phước	88.725.000		88.725.000		
II	Cấp Tiểu học	7.045.030.000	3.860.000.000	3.185.030.000	-	-
1	Trường TH số 1 Thị Trấn Châu Ổ	127.080.000		127.080.000		

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Kinh phí sửa chữa (Chi tiết có phụ biểu 01)	Kinh phí mua sắm (Chi tiết có phụ biểu 02)	Kinh phí thực hiện CCTL năm 2025	Ghi chú
2	Trường TH số 2 Thị Trấn Châu Ổ	155.080.000		155.080.000		
3	Trường TH Bình Trung	948.900.000	800.000.000	148.900.000		
4	Trường TH số 1 Bình Nguyên	152.780.000		152.780.000		
5	Trường TH số 2 Bình Nguyên	771.080.000	620.000.000	151.080.000		
6	Trường TH Bình Chánh	1.064.780.000	900.000.000	164.780.000		
7	Trường TH số 1 Bình Thạnh	147.080.000		147.080.000		
8	Trường TH số 2 Bình Thạnh	147.080.000		147.080.000		
9	Trường TH Bình Đông	149.630.000		149.630.000		
10	Trường TH Bình Thuận	148.080.000		148.080.000		
11	Trường TH Bình Trị	522.580.000	370.000.000	152.580.000		
12	Trường TH số 1 Bình Hải	150.180.000		150.180.000		
13	Trường TH số 2 Bình Hải	148.880.000		148.880.000		
14	Trường TH số 1 Bình Châu	149.380.000		149.380.000		
15	Trường TH số 2 Bình Châu	1.319.280.000	1.170.000.000	149.280.000		
16	Trường TH Bình Thanh	150.280.000		150.280.000		
17	Trường TH Bình Hiệp	145.980.000		145.980.000		
18	Trường TH Bình Long	135.980.000		135.980.000		
19	Trường TH Bình Mỹ	145.980.000		145.980.000		
20	Trường TH số 1 Bình Minh	147.180.000		147.180.000		
21	Trường TH số 2 Bình Minh	133.580.000		133.580.000		
22	Trường TH Bình Dương	84.180.000		84.180.000		
III	THCS, Tiểu học và THCS	6.191.320.000	2.620.000.000	3.571.320.000	-	-
1	Trường THCS Thị Trấn Châu Ổ	156.280.000		156.280.000		
2	Trường THCS Bình Trung	155.080.000		155.080.000		
3	Trường THCS Bình Nguyên	154.580.000		154.580.000		
4	Trường THCS Bình Chánh	1.335.780.000	1.180.000.000	155.780.000		
5	Trường THCS Bình Thạnh	153.080.000		153.080.000		
6	Trường THCS Bình Đông	152.080.000		152.080.000		
7	Trường THCS Bình Thuận	154.280.000		154.280.000		
8	Trường THCS Bình Trị	904.360.000	750.000.000	154.360.000		

STT	Tên đơn vị	Tổng cộng	Kinh phí sửa chữa (Chi tiết có phụ biểu 01)	Kinh phí mua sắm (Chi tiết có phụ biểu 02)	Kinh phí thực hiện CCTL năm 2025	Ghi chú
9	Trường THCS Bình Hải	152.580.000		152.580.000		
10	Trường TH và THCS Bình Hòa	391.180.000	230.000.000	161.180.000		
11	Trường TH và THCS Bình Tân Phú	164.080.000		164.080.000		
12	Trường THCS Bình Châu	148.580.000		148.580.000		
13	Trường THCS Bình Thanh	613.480.000	460.000.000	153.480.000		
14	Trường THCS Bình Hiệp	153.080.000		153.080.000		
15	Trường THCS Bình Long	154.780.000		154.780.000		
16	Trường TH và THCS Bình Chương	166.480.000		166.480.000		
17	Trường THCS Bình Mỹ	154.980.000		154.980.000		
18	Trường THCS Bình Minh	156.880.000		156.880.000		
19	Trường TH và THCS Bình An	166.180.000		166.180.000		
20	Trường TH và THCS Bình Khương	158.080.000		158.080.000		
21	Trường THCS Bình Dương	155.980.000		155.980.000		
22	Trường TH và THCS Bình Phước	166.080.000		166.080.000		
23	Trường THCS Nguyễn Tự Tân	123.380.000		123.380.000		
V	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	4.200.000.000			4.200.000.000	